



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2022**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 3700381324
Đăng ký Doanh nghiệp

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 16 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí Ông Lý Văn Xuân Ông Nguyễn Văn Luân Ông Đinh Viết Duy	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Quốc Trí Ông Vũ Văn Thanh Ông Hoàng Đức Huy Ông Trần Quốc Phẩm Ông Nguyễn Ngọc Huy Ông Trần Thành Nam Ông Nguyễn Tấn Hòa Ông Nguyễn Minh Phúc Ông Hồ Thanh Hiếu	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 2 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 10 năm 2022)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 9, Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An Tỉnh Bình Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 12 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00194-22-1




Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.258.434.228.464	19.651.184.333.706
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	242.815.476.591	406.017.139.417
Tiền	111		242.065.476.591	405.267.139.417
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	14(a)	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.315.127.736.295	11.898.280.531.814
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	7.934.070.297.881	9.335.440.945.200
Trả trước cho người bán	132	7	95.559.044.734	59.244.726.922
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	-	68.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	299.205.562.269	2.449.326.144.281
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(13.707.168.589)	(13.731.284.589)
Hàng tồn kho	140	10	3.185.372.278.891	6.384.320.637.756
Hàng tồn kho	141		3.377.955.693.089	6.464.778.720.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(192.583.414.198)	(80.458.082.586)
Tài sản ngắn hạn khác	150		510.118.736.687	957.566.024.719
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	94.748.267.020	85.590.388.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		286.790.842.330	871.962.016.601
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	128.579.627.337	13.619.717

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.118.727.087.531	4.863.167.615.269
Các khoản phải thu dài hạn	210		241.195.291.600	178.887.837.400
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	70.700.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	170.495.291.600	178.887.837.400
Tài sản cố định	220		1.198.450.061.079	1.134.208.705.003
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.014.508.752.822	936.170.702.614
Nguyên giá	222		3.794.307.134.043	3.463.673.580.489
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.779.798.381.221)	(2.527.502.877.875)
Tài sản cố định vô hình	227	12	183.941.308.257	198.038.002.389
Nguyên giá	228		259.431.861.261	259.988.428.918
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.490.553.004)	(61.950.426.529)
Tài sản dở dang dài hạn	240		106.037.865.309	180.277.059.193
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	106.037.865.309	180.277.059.193
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.393.850.000.000	3.244.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	14(b)	3.377.850.000.000	3.228.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14(a)	16.000.000.000	16.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		179.193.869.543	125.794.013.673
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	69.639.780.740	38.680.005.935
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	109.554.088.803	87.114.007.738
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.377.161.315.995	24.514.351.948.975

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.210.033.388.769	13.195.700.411.669
Nợ ngắn hạn	310		6.195.799.689.582	13.182.047.854.402
Phải trả người bán	311	17	1.970.635.586.928	4.283.263.896.000
Người mua trả tiền trước	312		176.845.202.295	233.052.080.172
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	5.275.868.275	309.240.420.455
Phải trả người lao động	314		64.245.590.725	55.566.725.013
Chi phí phải trả	315	19	207.561.319.455	214.800.245.166
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	18.979.145.366	3.256.582.146.203
Vay ngắn hạn	320	21	3.545.557.150.716	4.754.513.830.764
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	206.699.825.822	75.028.510.629
Nợ dài hạn	330		14.233.699.187	13.652.557.267
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	13.524.199.187	12.943.057.267
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.167.127.927.226	11.318.651.537.306
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.167.127.927.226	11.318.651.537.306
Vốn cổ phần	411	25	5.980.549.860.000	4.934.818.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.980.549.860.000	4.934.818.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.499.009.876	90.695.201.265
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.841.786.518.282	6.135.844.836.973
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.793.615.960.838	1.824.320.198.455
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.170.557.444	4.311.524.638.518
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.377.161.315.995	24.514.351.948.975

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyên
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	81.450.228.213.277	86.441.507.897.173
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	260.746.998.178	174.499.462.741
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	81.189.481.215.099	86.267.008.434.432
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	77.388.423.409.761	80.500.728.426.285
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.801.057.805.338	5.766.280.008.147
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	425.167.604.879	2.660.392.557.597
Chi phí tài chính	22	30	419.889.233.636	354.050.453.366
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>176.518.452.634</i>	<i>163.982.509.811</i>
Chi phí bán hàng	25	31	3.469.159.524.662	2.971.926.540.542
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	323.017.357.209	253.197.996.846
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.159.294.710	4.847.497.574.990
Thu nhập khác	31		37.281.371.157	7.884.997.850
Chi phí khác	32		2.028.544.004	11.164.052.377
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		35.252.827.153	(3.279.054.527)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.412.121.863	4.844.218.520.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	23.681.645.484	515.776.476.827
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(22.440.081.065)	(47.359.805.957)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.170.557.444	4.375.801.849.593

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		49.412.121.863	4.844.218.520.463
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		288.742.037.855	297.087.701.643
Các khoản dự phòng	03		112.682.357.532	50.400.186.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.999.777.701)	(4.361.788.337)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(182.386.015.343)	(2.413.142.693.730)
Chi phí lãi vay	06		176.518.452.634	163.982.509.811
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		438.969.176.840	2.938.184.435.850
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		1.825.657.571.725	(4.396.695.871.911)
Biến động hàng tồn kho	10		3.086.823.027.253	(3.443.191.373.178)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.677.954.974.368)	5.901.843.863.791
Biến động chi phí trả trước	12		(13.914.683.956)	28.508.264.282
			1.659.580.117.494	1.028.649.318.834
Tiền lãi vay đã trả	14		(182.460.644.247)	(158.824.335.187)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(288.320.745.818)	(436.616.991.261)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(117.030.852.331)	(63.628.027.964)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.071.767.875.098	369.579.964.422
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(328.785.899.096)	(240.276.296.923)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		24.389.427.659	3.272.245.830
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(2.700.000.000)	(101.326.172.142)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		-	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		-	(22.668.142.693)
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26		-	188.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27		231.166.167.254	16.649.919.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.930.304.183)	(151.248.446.045)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		49.008.000.000	44.000.000.000
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	32		-	8.980.355.547
Tiền thu từ đi vay	33		32.420.046.369.416	36.399.316.632.634
Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.679.445.401.829)	(36.736.621.271.149)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(10.027.814.809)
Tiền trả cổ tức	36		(393.643.500)	(307.131.948)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.210.784.675.913)	(294.659.229.725)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(214.947.104.998)	(76.327.711.348)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		406.017.139.417	480.196.944.895
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		51.745.442.172	2.147.905.870
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	242.815.476.591	406.017.139.417

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2021: 9 công ty con và 1 công ty liên kết) như được liệt kê tại Thuyết minh 14(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có 5.678 nhân viên (1/10/2021: 5.254 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và ngày 1 tháng 10 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 và năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022			
Doanh thu thuần	56.214.951.778.660	24.974.529.436.439	81.189.481.215.099
Giá vốn	(55.347.026.256.953)	(22.041.397.152.808)	(77.388.423.409.761)
	867.925.521.707	2.933.132.283.631	3.801.057.805.338
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021			
Doanh thu thuần	57.968.328.131.963	28.298.680.302.469	86.267.008.434.432
Giá vốn	(54.931.238.317.407)	(25.569.490.108.878)	(80.500.728.426.285)
	3.037.089.814.556	2.729.190.193.591	5.766.280.008.147

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Tiền mặt	15.584.046.000	13.617.648.701
Tiền gửi ngân hàng	226.481.430.591	391.480.006.937
Tiền đang chuyển	-	169.483.779
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	750.000.000
	242.815.476.591	406.017.139.417

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 3,3% đến 4,6% (1/10/2021: từ 3% đến 3,3%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 750 triệu VND (1/10/2021: 750 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.652.930.737.630	1.487.196.033.900
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	2.422.283.777.755	1.598.748.271.511
Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	864.997.781.220	394.820.399.043
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	607.338.753.185	758.704.667.548
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	403.645.299.396	873.525.603.746
Các khách hàng khác	982.873.948.695	4.222.445.969.452
	7.934.070.297.881	9.335.440.945.200



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.652.930.737.630	1.487.196.033.900
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	2.422.283.777.755	1.598.748.271.511
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	864.997.781.220	394.820.399.043
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	607.338.753.185	758.704.667.548
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	403.645.299.396	873.525.603.746
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	14.827.184.790
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	917.618.361	15.348.017.868
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	5.254.326.475	171.241.122

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/9/2022				1/10/2021			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	Từ 3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy Công ty TNHH Thép	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 5 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Xây Dựng Hiệp Loan Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Từ 2 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Các khách hàng khác	Trên 6 năm Từ 2 đến trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 5 năm Từ 2 đến trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
		8.246.557.128	(8.246.557.128)	-		8.270.673.128	(8.270.673.128)	-
		13.707.168.589	(13.707.168.589)	-		13.731.284.589	(13.731.284.589)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	13.731.284.589	22.577.028.500
Dự phòng trích lập trong năm	-	435.523.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(24.116.000)	(9.281.266.911)
Số dư cuối năm	13.707.168.589	13.731.284.589

7. Trả trước cho người bán

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		26.739.999.215
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	87.124.757
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Con Mưa Nhỏ	9.445.374.912	-
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	15.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vicenza	14.763.244.800	-
Các nhà cung cấp khác	55.750.425.022	32.417.602.950
	95.559.044.734	59.244.726.922

8. Phải thu về cho vay**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con	-	68.000.000.000

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 4%.

Trong năm, Công ty đã đồng ý gia hạn kỳ hạn gốc khoản phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con	70.700.000.000	-

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn 24 tháng, hưởng lãi suất năm là 7,5% và thu lãi hàng quý.

Biến động khoản phải thu về cho vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.700.000.000	-
Chuyển từ phải thu về cho vay ngắn hạn	68.000.000.000	-
Số dư cuối năm	70.700.000.000	-

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	154.371.185.341	2.313.430.131.015
Tạm ứng để mua đất	53.832.470.000	54.319.725.000
Tạm ứng cho người lao động	31.942.549.257	25.761.299.195
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	32.995.045.800	36.503.545.800
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Phải thu lãi cho vay	5.248.575.343	-
Phải thu khác	7.996.961.528	6.492.668.271
	299.205.562.269	2.449.326.144.281



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	59.919.400.868	156.020.916.359
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	55.113.744.672	120.808.132.718
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	32.534.930.981	69.057.496.793
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	6.803.108.820	16.444.286.300
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	5.248.575.343	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	-	946.725.035.692
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	756.039.601.281
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	-	248.393.361.872
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.448.000.000	1.470.000.000
Nhân sự chủ chốt		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	161.495.291.600	178.887.837.400
Đặt cọc khác	9.000.000.000	-
	170.495.291.600	178.887.837.400

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/9/2022		1/10/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	114.509.419.480	-	948.952.756.883	-
Nguyên vật liệu	477.122.815.899	(37.069.055.231)	1.392.865.556.357	(18.837.869.618)
Công cụ và dụng cụ	172.405.446.071	-	164.573.666.041	-
Sản phẩm dở dang	4.834.046	-	-	-
Thành phẩm	1.109.718.290.205	(84.128.944.549)	1.542.494.461.325	(52.327.014.685)
Hàng hóa	1.504.194.887.388	(71.385.414.418)	2.415.892.279.736	(9.293.198.283)
	<u>3.377.955.693.089</u>	<u>(192.583.414.198)</u>	<u>6.464.778.720.342</u>	<u>(80.458.082.586)</u>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.016.477 triệu VND (1/10/2021: 4.772.185 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	80.458.082.586	24.537.865.276
Trích lập dự phòng trong năm	112.125.331.612	55.920.217.310
	<u>192.583.414.198</u>	<u>80.458.082.586</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	484.476.100.366	2.585.435.473.028	296.648.614.944	76.375.572.729	20.737.819.422	3.463.673.580.489
Tăng trong năm	1.434.436.378	32.679.454.486	6.202.340.000	-	-	40.316.230.864
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	291.657.091.262	3.975.143.966	23.347.005.222	-	1.472.949.719	320.452.190.169
Thanh lý	(2.354.196.948)	(19.708.303.856)	(5.981.500.000)	-	-	(28.044.000.804)
Xóa sổ	(555.068.634)	(1.535.798.041)	-	-	-	(2.090.866.675)
Số dư cuối năm	774.658.362.424	2.600.845.969.583	320.216.460.166	76.375.572.729	22.210.769.141	3.794.307.134.043
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	300.463.557.227	1.954.884.467.890	206.789.739.878	45.738.228.100	19.626.884.780	2.527.502.877.875
Khấu hao trong năm	23.661.007.272	205.023.730.512	35.043.380.516	9.280.876.749	2.156.509.454	275.165.504.503
Thanh lý	(2.354.196.948)	(12.689.229.983)	(5.735.707.551)	-	-	(20.779.134.482)
Xóa sổ	(555.068.634)	(1.535.798.041)	-	-	-	(2.090.866.675)
Số dư cuối năm	321.215.298.917	2.145.683.170.378	236.097.412.843	55.019.104.849	21.783.394.234	2.779.798.381.221
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	184.012.543.139	630.551.005.138	89.858.875.066	30.637.344.629	1.110.934.642	936.170.702.614
Số dư cuối năm	453.443.063.507	455.162.799.205	84.119.047.323	21.356.467.880	427.374.907	1.014.508.752.822

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.175.749 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (1/10/2021: 1.063.778 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 193.584 triệu VND (1/10/2021: 293.060 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	200.791.409.765	59.197.019.153	259.988.428.918
Thanh lý	(556.567.657)	-	(556.567.657)
Số dư cuối năm	200.234.842.108	59.197.019.153	259.431.861.261
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	31.461.529.384	30.488.897.145	61.950.426.529
Khấu hao trong năm	2.552.396.256	11.024.137.096	13.576.533.352
Thanh lý	(36.406.877)	-	(36.406.877)
Số dư cuối năm	33.977.518.763	41.513.034.241	75.490.553.004
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	169.329.880.381	28.708.122.008	198.038.002.389
Số dư cuối năm	166.257.323.345	17.683.984.912	183.941.308.257

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 (1/10/2021: 456 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 65.802 triệu VND (1/10/2021: 66.528 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	18.689.210.837	5.803.440.449
Chi phí xây dựng và nâng cấp của dự án Hoa Sen Home	73.383.240.019	169.996.445.030
Sửa chữa lớn tài sản cố định	13.119.891.601	3.004.223.995
Các công trình khác	845.522.852	1.472.949.719
	106.037.865.309	180.277.059.193

Biến động của xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	180.277.059.193	5.338.412.183
Tăng trong năm	272.415.965.753	179.587.597.217
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(320.452.190.169)	(3.429.005.166)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(25.723.501.813)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(479.467.655)	(1.219.945.041)
	106.037.865.309	180.277.059.193

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 4% (1/10/2021: 3,7%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	16.000.000.000	16.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2022			1/10/2021		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	770.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây dựng Hoa Sen)	99,95%	299.850.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95%	323.000.000.000	-	95%	323.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
		3.377.850.000.000	-		3.228.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (i)	-	-	-	-	-	-
		3.377.850.000.000	-		3.228.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Số dư đầu năm	3.228.000.000.000	3.051.965.000.000
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cản trừ khoản phải thu khách hàng	149.850.000.000	-
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cản trừ khoản phải thu về cho vay	-	241.182.178.499
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cản trừ khoản phải thu lãi cho vay	-	10.623.438.808
Góp vốn bằng tiền	-	22.668.142.693
Chuyển nhượng Công ty con	-	(98.438.760.000)
Số dư cuối năm	3.377.850.000.000	3.228.000.000.000

15. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Chi phí thuê trả trước	64.585.607.908	60.086.558.798
Chi phí quảng cáo	7.532.677.931	4.977.085.978
Công cụ và dụng cụ	8.433.302.530	7.318.855.307
Chi phí sửa chữa	4.186.028.112	3.605.758.234
Phí bảo hiểm	2.156.343.069	599.821.424
Chi phí tư vấn	188.404.107	430.991.668
Chi phí khác	7.665.903.363	8.571.316.992
	94.748.267.020	85.590.388.401



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Bảng hiệu quảng cáo	25.604.930.564	15.059.349.254
Công cụ và dụng cụ	18.132.685.548	9.550.254.921
Chi phí sửa chữa	10.989.601.459	3.918.465.569
Chi phí thuê trả trước	10.596.319.316	6.266.006.987
Chi phí khác	4.316.243.853	3.885.929.204
	69.639.780.740	38.680.005.935

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	38.680.005.935	48.265.344.770
Tăng trong năm	38.837.490.092	33.716.445.821
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.723.501.813	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(3.500.000)
Phân bổ trong năm	(33.467.890.065)	(43.208.346.116)
Thanh lý	(133.327.035)	(89.938.540)
	69.639.780.740	38.680.005.935

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/9/2022	1/10/2021
		VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	72.253.284.528	61.879.057.711
▪ Các khoản dự phòng	20%	41.258.116.558	18.837.873.435
▪ (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	20%	(3.957.312.283)	6.397.076.592
		109.554.088.803	87.114.007.738

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	484.333.050.520	1.508.956.770.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	466.964.809.368	161.764.492.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	458.751.657.862	199.491.934.084
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	205.051.386.730	159.185.584.085
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	-	622.557.774.639
Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	-	630.195.444.218
Các nhà cung cấp khác	355.534.682.448	1.001.111.896.444
	1.970.635.586.928	4.283.263.896.000

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	466.964.809.368	161.764.492.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	458.751.657.862	199.491.934.084
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	205.051.386.730	159.185.584.085
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	47.205.825.100	83.547.848.008
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	517.408.886	6.124.567.058
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	86.963.661	13.356.842

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phải loại lại VND	30/9/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	171.521.480.386	7.065.581.782.480	(1.212.089.778.311)	(6.022.256.270.095)	-	2.757.214.460
Thuế xuất nhập khẩu	165.867.784	1.516.375.380	(1.602.669.055)	-	-	79.574.109
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.065.227.788	23.681.645.484	(288.320.745.818)	-	128.573.872.546	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.399.044.497	41.436.356.103	(39.291.639.304)	(1.095.867.295)	(8.814.295)	2.439.079.706
Các loại thuế khác	88.800.000	2.013.998.477	(2.103.747.846)	-	949.369	-
	309.240.420.455	7.134.230.157.924	(1.543.408.580.334)	(6.023.352.137.390)	128.566.007.620	5.275.868.275

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2021 VND	Số đã cân trừ VND	Số phải loại lại VND	30/9/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	128.573.872.546	128.573.872.546
Thuế thu nhập cá nhân	13.619.717	-	(8.814.295)	4.805.422
Các loại thuế khác	-	-	949.369	949.369
	13.619.717	-	128.566.007.620	128.579.627.337

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/10/2021		Biến động trong năm		30/9/2022	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Vay VND	Trả nợ vay VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	4.754.513.830.764	32.420.046.369.416	(33.679.445.401.829)	50.442.352.365	3.545.557.150.716	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2022 VND	1/10/2021 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	67.760.505.201	75.643.458.480
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	1.299.533.881.430	777.548.744.645
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.338.014.916.558	60.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	151.710.297.416	1.453.181.080.932
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sờ Giao dịch 2	(iii)	VND	-	347.681.380.658
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	421.607.418.953	1.186.536.814.890
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(v)	VND	-	56.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	VND	266.930.131.158	34.366.092.843
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	USD	-	384.498.035.750
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	-	60.626.701.580
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	USD	-	73.836.076.658
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	-	67.617.983.015
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	-	75.695.575.053
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	-	101.281.886.260
			3.545.557.150.716	4.754.513.830.764

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất		Tài sản đảm bảo
			30/9/2022	1/10/2021	
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	3,86% - 4,10% 2,50%	3,50% 1,50% - 2,00%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, các khoản phải thu
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.400 tỷ VND	4,50% - 5,0% 1,60% - 1,90%	3,50% 1,30%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, các khoản phải thu
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	-	3,50% - 3,80%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, một công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	4,30% - 5,0%	3,35%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, một công ty con
v. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	-	3,30%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	23 triệu USD	4,30% - 5,20%	3,00% 1,60%	Hàng tồn kho
vii. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	6,6 triệu USD	-	3,20% - 3,30% 1,40%	Hàng tồn kho
viii. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	500 tỷ VND	-	3,90%	Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	75.028.510.629	43.062.695.661
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	172.540.289.352	46.120.560.692
Sử dụng quỹ trong năm	(40.868.974.159)	(14.154.745.724)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	206.699.825.822	75.028.510.629

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.943.057.267	9.617.344.666
Trích lập dự phòng trong năm	581.141.920	3.325.712.601
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.524.199.187	12.943.057.267

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	2.394.497.079.753	7.024.597.175.098
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.375.801.849.593	4.375.801.849.593
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	444.566.830.000	-	-	-	(444.566.830.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	5.709.355.547	3.271.000.000	-	-	8.980.355.547
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	44.000.000.000	-	-	-	-	44.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	(46.120.560.692)
Trích thường hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	(39.134.000.000)	(39.134.000.000)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	-	104.632.701.681	(104.632.701.681)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(49.473.282.240)	-	(49.473.282.240)
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	6.135.844.836.973	11.318.651.537.306
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	48.170.557.444	48.170.557.444
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	996.722.900.000	-	-	-	(996.722.900.000)	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	49.008.000.000	-	-	-	-	49.008.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(172.540.289.352)	(172.540.289.352)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(76.161.878.172)	-	(76.161.878.172)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022	5.980.549.860.000	157.292.539.068	-	187.499.009.876	4.841.786.518.282	11.167.127.927.226

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, Công ty đã phát hành 44.456.683 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản trị - điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2022. Theo đó, Công ty đã phát hành 4.900.800 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 1 năm 2021 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 8 năm 2021, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành 4.400.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).
- (iii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã trích lập 172.966 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu năm (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021: theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 40.356 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu năm và vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập 64.277 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế của năm) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2022		1/10/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2022		30/9/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	493.481.896	4.934.818.960.000	444.625.213	4.446.252.130.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	99.672.290	996.722.900.000	44.456.683	444.566.830.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	4.900.800	49.008.000.000	4.400.000	44.000.000.000
Số dư cuối năm	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	190.704.970.814	175.830.612.602
Từ hai đến năm năm	671.436.595.330	660.021.307.908
Trên năm năm	402.599.723.559	409.868.094.705
	1.264.741.289.703	1.245.720.015.215

(b) Ngoại tệ

	30/9/2022		1/10/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.907.538	45.263.920.554	10.326.201	233.974.279.650

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/9/2022	1/10/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	43.430.903.759	111.387.661.390

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	57.808.704.593.493	63.707.475.115.992
▪ Bán thành phẩm	23.634.273.781.682	22.726.584.674.370
▪ Doanh thu khác	7.249.838.102	7.448.106.811
	81.450.228.213.277	86.441.507.897.173
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	235.503.862.029	153.562.023.411
▪ Hàng bán bị trả lại	22.285.866.464	19.989.289.800
▪ Giảm giá hàng bán	2.957.269.685	948.149.530
	260.746.998.178	174.499.462.741
Doanh thu thuần	81.189.481.215.099	86.267.008.434.432

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	55.515.097.480.925	60.545.116.745.484
▪ Thành phẩm đã bán	21.760.279.939.401	19.898.049.520.909
▪ Giá vốn khác	920.657.823	1.641.942.582
▪ Trích lập dự phòng trong năm	112.125.331.612	55.920.217.310
	77.388.423.409.761	80.500.728.426.285

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	10.315.629.445	8.079.826.962
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.094.800.000	1.677.000.000
Lợi nhuận được chia	154.371.185.341	2.313.430.131.015
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	-	89.661.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	251.951.061.756	239.848.361.972
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.999.777.701	4.361.788.337
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.435.150.636	3.334.209.311
	<hr/>	<hr/>
	425.167.604.879	2.660.392.557.597
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	176.518.452.634	163.982.509.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	242.244.477.150	189.348.549.748
Chi phí tài chính khác	1.126.303.852	719.393.807
	<hr/>	<hr/>
	419.889.233.636	354.050.453.366
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	800.829.008.111	572.789.649.650
Chi phí xuất khẩu	1.788.319.799.615	1.697.338.531.240
Chi phí thuê	191.267.820.840	157.374.566.374
Chi phí khấu hao và phân bổ	143.706.365.940	141.316.737.508
Chi phí quảng cáo	94.421.008.749	60.889.736.428
Chi phí vận chuyển	192.663.313.546	172.601.983.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.052.660.275	56.695.244.435
Chi phí bán hàng khác	187.899.547.586	112.920.091.606
	<hr/>	<hr/>
	3.469.159.524.662	2.971.926.540.542

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	137.809.115.329	107.547.022.862
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.898.095.327	29.172.591.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.617.783.651	29.405.088.651
Chi phí tiếp khách	12.241.321.628	11.490.258.007
Chi phí thuê	18.518.659.374	17.225.095.414
Chi phí dịch vụ chuyên môn	5.260.489.540	6.621.202.829
Chi phí công tác	9.059.375.388	4.948.345.429
Chi phí khác	56.612.516.972	46.788.391.698
	<hr/>	<hr/>
	323.017.357.209	253.197.996.846



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	20.525.871.449.898	19.634.118.684.123
Chi phí nhân công và nhân viên	1.020.188.374.598	761.610.810.434
Chi phí khấu hao và phân bổ	288.742.037.855	297.087.701.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.383.274.263.506	2.266.088.195.975
Chi phí khác	740.564.626.415	558.927.543.337

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	22.742.463.666	515.776.476.827
Dự phòng thiếu năm trước	939.181.818	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(22.440.081.065)	(47.359.805.957)
	1.241.564.419	468.416.670.870

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.412.121.863	4.844.218.520.463
Thuế theo thuế suất của Công ty	9.882.424.373	968.843.704.093
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.294.195.296	9.853.332.005
Thu nhập không bị tính thuế	(30.874.237.068)	(462.686.026.203)
Dự phòng thiếu năm trước	939.181.818	-
Sử dụng thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây	-	(47.594.339.025)
	<u>1.241.564.419</u>	<u>468.416.670.870</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	15.154.201.068.619	15.613.730.729.165
Mua hàng hóa và thành phẩm	16.849.446.476.866	15.866.720.483.372
Hàng bán bị trả lại	461.604.000	-
Lợi nhuận được chia	55.113.744.672	120.808.132.718
Chi hộ	145.872.876.921	156.947.487.796
Bán khác	734.960.549	3.725.953
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.949.538.487.764	3.313.980.084.464
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.667.095.069.278	2.850.430.034.029
Bán tài sản cố định	596.981.403	-
Mua tài sản cố định	-	87.770.891
Cho thuê tài sản	132.000.000	469.580.644
Thuê tài sản	1.667.888.665	1.645.321.674
Hàng bán bị trả lại	1.506.534.607	1.270.533.793
Lợi nhuận được chia	-	248.393.361.872
Bán khác	1.171.818	1.590.334
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	317.064.314	56.469.898
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	55.330.646	49.359.856
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	53.100.202.214	7.970.825.645
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.807.757.820.347	1.630.046.559.177
Bán tài sản cố định	2.136.688.455	-
Mua tài sản cố định	-	1.141.000.000
Cho thuê tài sản	88.000.000	-
Lợi nhuận được chia	32.534.930.981	69.057.496.793
Mua dịch vụ gia công	12.703.654	-
Mua dịch vụ vận chuyển	362.700.165	-
Bán khác	19.747.239	748.320
Hàng mua được giảm giá/trả lại hàng mua	909.091	2.418.702

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022 VND	30/9/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	11.338.681.473.292	14.380.220.390.226
Mua hàng hóa và thành phẩm	10.677.905.794.382	12.406.066.542.279
Bán tài sản cố định	-	2.146.533.482
Hàng bán bị trả lại/giảm giá hàng bán	-	94.564.747
Trả lại hàng mua	1.313.093.999	2.964.150.670
Hàng mua được giảm giá	179.379.341	56.386.365
Cho thuê tài sản	116.040.000	9.670.000
Thuê tài sản	112.867.044	404.139.768
Lợi nhuận được chia	-	946.725.035.692
Mua dịch vụ gia công	74.544.573.553	150.905.593.027
Mua dịch vụ vận chuyển	1.758.868.357	31.113.848.136
Bán khác	5.265.843	20.713.740
Mua khác	466.646.471	2.654.343.654
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.916.912.916.961	8.720.363.728.904
Mua hàng hóa và thành phẩm	5.293.505.494.304	7.842.804.505.068
Bán tài sản cố định	283.000.000	494.268.668
Trả lại hàng mua	1.715.302.815	1.879.028.959
Lợi nhuận được chia	-	756.039.601.281
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	38.681.700
Mua dịch vụ vận chuyển	1.683.027.246	2.371.469.850
Cung cấp dịch vụ gia công	-	47.546.401
Mua dịch vụ gia công	48.253.646.596	144.483.750.356
Mua khác	191.314.130	1.223.005.802
Bán khác	52.984.112	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	20.131.689.237	14.844.895.601
Mua hàng hóa và thành phẩm	579.971.845.803	756.002.857.208
Cho thuê tài sản	254.400.000	254.400.000
Lợi nhuận được chia	59.919.400.868	155.962.216.359
Cung cấp dịch vụ gia công	-	999.180
Thuê tài sản	96.000.000	166.000.000
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	64.144.064	26.197.280
Mua dịch vụ vận chuyển	148.220.156	-
Bán khác	42.234.031	-
Mua khác	29.545.456	-



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Cho vay	2.700.000.000	68.000.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	5.248.575.343	6.133.147.079
Góp vốn	-	209.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.602.249.854.813	872.839.230.596
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.084.379.090.742	223.014.878.397
Thuê tài sản	5.400.926.396	600.000.000
Hàng bán bị trả lại/giảm giá hàng bán	1.494.701.100	-
Hàng mua được giảm giá	-	72.625.730
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	10.229.427	-
Mua khác	200.345.454	82.990.910
Bán khác	2.051.444	-
Mua dịch vụ vận chuyển	1.422.234	-
Trả lại hàng mua	494.720.491	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.323.476.510	5.757.375.828
Mua hàng hóa và thành phẩm	426.566.323.005	498.581.508.868
Mua tài sản cố định	-	289.355.615
Mua dịch vụ vận chuyển	53.318.348	-
Hàng mua được giảm giá	-	11.515.987
Lợi nhuận được chia	6.803.108.820	16.444.286.300
Bán khác	185.822	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (trước đây là một công ty con)		
Thu nhập từ tiền lãi	-	1.586.146.347

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.092.150.468.293	2.005.614.625.990
Bán tài sản cố định	836.100.000	278.700.000
Bán khác	108.548.139	-
Mua hàng hóa và thành phẩm	-	12.281.818
Cho thuê tài sản	3.426.751.992	3.426.751.992
Cung cấp dịch vụ gia công	7.004.452	94.664.218
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.624.030	6.777.318
Mua dịch vụ vận chuyển	54.223.963.947	57.513.075.054
Mua dịch vụ gia công	-	1.300.909
Chi phí thuê tài sản	11.691.820.663	10.271.374.544
Chiết khấu thương mại	40.668.612.691	13.007.397.387
Giảm giá hàng bán	54.727.273	-
Hàng bán bị trả lại	4.211.655.248	7.185.669.645
Mua dịch vụ khác	-	2.727.273
Thu nhập lãi chậm thanh toán	733.063	2.490.522.129
Thu nhập từ tiền lãi	-	50.630.137
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Chi phí vận chuyển	615.505.112	127.061.336
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	300.000.000	290.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	360.000.000	340.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	300.000.000	290.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	2.706.721.532	1.967.900.022
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	16.587.416.081	34.209.331.101

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2022	30/9/2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	93.030.622.427	93.574.105.467
Trả trước tiền mua tài sản cố định	24.220.798.320	8.710.578.881
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	2.088.425.817.863	795.208.077.723
Chuyển đổi khoản cho vay thành khoản đầu tư vào công ty con	-	241.182.178.499
Tăng đầu tư vào công ty con bằng cách cần trừ khoản phải thu	149.850.000.000	10.623.438.808

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022

Người lập:


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

